

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc  | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 5 - 7   |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  | 8 - 11  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016           | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016    | 15 - 36 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 28.03.000.075 ngày 18 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi cổ đông sáng lập, thay đổi địa chỉ và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, trong đó lần thay đổi kinh doanh thứ 11 ngày 04 tháng 5 năm 2015 Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại : 039 3577 668
- Fax : 039 3572 234

**Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:**

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, trạm thủy điện, buro điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình phát triển đô thị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện;
- Sản xuất gạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vận tải;
- Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác, chi tiết: Dịch vụ ủy thác đầu tư./.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên             | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|----------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thảo   | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014     |
| Bà Nguyễn Thị Kim     | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016     |
| Ông Võ Viết Thắng     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014     |
| Ông Lê Văn Thông      | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014     |
| Ông Trương Hùng Vương | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016   |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|-----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Phong | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014 |
| Bà Lê Thị Hiền        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014 |
| Ông Đặng Văn Trợ      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm                      |
|---------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thảo | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2010  |
| Ông Dương Văn Đản   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2010 |

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thảo (bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2010).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo

Ngày 29 tháng 3 năm 2017



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017, từ trang 8 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược**

#### **(i) Các khoản chi phí chưa được ghi nhận**

- Khoản chi phí sửa chữa tuyến chính đường tránh Hà Tĩnh trong giai đoạn bảo hành phát sinh từ năm 2010 đang được phản ánh ở chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn”, số tiền 5.358.096.267 VND (xem thuyết minh số V.9b). Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc, Công ty chưa phản ánh vào kết quả kinh doanh do đây là phần công việc thuộc các nhà thầu phụ thực hiện. Công ty đang làm việc với các nhà thầu phụ để thu hồi lại khoản chi phí này. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được bằng chứng về khả năng thu hồi chi phí.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình phát sinh từ các năm trước đang chờ phê duyệt quyết toán đang được phản ánh ở chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, số tiền 32.104.975.390 VND (xem thuyết minh số V.8). Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý và khả năng thu hồi các chi phí này.

- Các khoản nợ phải thu khách hàng chưa được trích lập dự phòng đầy đủ. Theo ước tính độc lập của Kiểm toán viên, số dự phòng cần trích lập thêm là 10.973.435.218 VND, trong đó, năm 2016: 1.327.060.448 VND, các năm trước 9.646.374.770 VND.
- Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phạt phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền 1.950.000.000 VND, do Công ty chưa chấp nhận số liệu tính toán của Ngân hàng.

(ii) *Tính trình bày, phân loại*

- Số phải thu, phải trả các đội thi công (Xí nghiệp) đang được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu nội bộ ngắn hạn” và “Phải trả nội bộ ngắn hạn”, số tiền tương ứng là 27.435.731.996 VND và 16.053.271.547 VND (số đầu năm là 30.656.890.536 VND và 18.220.512.517 VND), là chưa phù hợp với quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

(iii) *Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính*

Nếu các vấn đề nêu tại mục (i), (ii) được ghi nhận, phản ánh phù hợp trong báo cáo tài chính, số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty sẽ thay đổi như sau:

| Bảng cân đối kế toán                                | Mã số        | Số cuối năm             | Số đầu năm              |
|---|--------------|-------------------------|-------------------------|
|   |              | (VND)<br>Tăng/(Giảm)    | (VND)<br>Tăng/(Giảm)    |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn                            | 133          | (27.435.731.996)        | (30.656.890.536)        |
| Phải thu ngắn hạn khác                              | 136          | 27.435.731.996          | 30.656.890.536          |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                  | 137          | (10.973.435.218)        | (9.646.374.770)         |
| Hàng tồn kho  | 141          | (32.104.975.390)        | (32.104.975.390)        |
| Chi phí trả trước dài hạn                           | 261          | (5.358.096.267)         | (5.358.096.267)         |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn                            | 316          | (16.053.271.547)        | (18.220.512.517)        |
| Phải trả ngắn hạn khác                              | 319          | 18.003.271.547          | 20.170.512.517          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                   | 421          | (50.386.506.875)        | (49.059.446.427)        |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i>  | <i>(49.059.446.427)</i> | <i>(49.059.446.427)</i> |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>                   | <i>421b</i>  | <i>(1.327.060.448)</i>  |                         |
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>         | <b>Mã số</b> | <b>Năm nay</b>          | <b>Năm trước</b>        |
|   |              | <b>(VND)</b>            | <b>(VND)</b>            |
|   |              | <i>Tăng/(Giảm)</i>      | <i>Tăng/(Giảm)</i>      |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26           | 1.327.060.448           |                         |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                        | 50           | (1.327.060.448)         |                         |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 60           | (1.327.060.448)         |                         |

(iv) *Các hạn chế khác*

- Các khoản nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán và vay ngắn hạn phát sinh từ các năm trước chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan, bao gồm:

| Khoản mục               | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                         |             | (VND)                 | (VND)                 |
| Phải thu khách hàng     | V.3         | 11.220.448.878        | 7.373.785.117         |
| <b>Cộng nợ phải thu</b> |             | <b>11.220.448.878</b> | <b>7.373.785.117</b>  |
| Phải trả người bán      | V.11        | 10.778.458.239        | 10.243.514.343        |
| Vay ngắn hạn            | V.15        | 1.500.000.000         | 1.500.000.000         |
| <b>Cộng nợ phải trả</b> |             | <b>12.278.458.239</b> | <b>11.743.000.000</b> |

- Trong các khoản phải thu, phải trả các đội thi công (Xí nghiệp) (đã nêu ở mục (ii)) bao gồm các số dư lâu ngày chưa được Công ty thực hiện rà soát, đánh giá để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản dự phòng nợ khó đòi (nếu có).

Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về các số dư nợ phải thu, nợ phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016, cũng như ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty (nếu có).

### Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 27 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ 6.144.118.771 VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.585.320.868 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 42.570.900.271 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hoàng Thị Việt - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>83.088.405.692</b> | <b>87.221.868.678</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>14.469.196</b>     | <b>7.481.606</b>      |
| 1. Tiền   | 111        |             | 14.469.196            | 7.481.606             |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>47.921.647.304</b> | <b>53.056.298.672</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 15.291.450.925        | 17.355.074.128        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 471.618.520           | 526.618.520           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | 27.435.731.996        | 30.656.890.536        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 643.093.813           | 643.093.813           |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6         | 4.206.552.175         | 4.001.421.800         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (126.800.125)         | (126.800.125)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>35.006.788.457</b> | <b>34.012.587.665</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 35.006.788.457        | 34.012.587.665        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>145.500.735</b>    | <b>145.500.735</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.9a        | 145.500.735           | 145.500.735           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>23.792.358.998</b>  | <b>26.552.690.497</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>15.070.369.745</b>  | <b>17.398.821.725</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 15.070.369.745         | 17.398.821.725         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 33.728.004.349         | 34.118.552.634         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (18.657.634.604)       | (16.719.730.909)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> | V.10        | <b>99.982.727</b>      | <b>462.052.990</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 99.982.727             | 462.052.990            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>3.000.000.000</b>   | <b>3.000.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2         | 3.000.000.000          | 3.000.000.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>5.622.006.526</b>   | <b>5.691.815.782</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.9b        | 5.622.006.526          | 5.691.815.782          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>106.880.764.690</b> | <b>113.774.559.175</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>134.799.527.263</b> | <b>135.549.202.977</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>125.659.305.963</b> | <b>123.108.981.677</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 14.301.229.683         | 14.323.095.065         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 300.523.500            | 1.677.453.519          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 2.723.022.081          | 3.059.260.075          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 3.992.072.938          | 4.144.112.990          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.13        | 1.980.879.415          | 3.500.796.039          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | 16.053.271.547         | 18.220.512.527         |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.14        | 44.635.208.697         | 36.504.653.360         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.15a       | 41.558.948.917         | 41.564.948.917         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.16        | 114.149.185            | 114.149.185            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>9.140.221.300</b>   | <b>12.440.221.300</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.15b       | 9.140.221.300          | 12.440.221.300         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm             | Số đầu năm              |
|---|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>(27.918.762.573)</b> | <b>(21.774.643.802)</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.17</b> | <b>(27.918.762.573)</b> | <b>(21.774.643.802)</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 15.728.330.000          | 15.728.330.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 15.728.330.000          | 15.728.330.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                       | -                       |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 652.000.000             | 652.000.000             |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                       | -                       |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                       | -                       |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                       | -                       |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                       | -                       |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                       | -                       |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 1.286.228.295           | 1.286.228.295           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                       | -                       |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                       | -                       |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (45.585.320.868)        | (39.441.202.097)        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | (39.441.202.097)        | (39.441.202.097)        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | (6.144.118.771)         | -                       |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                       | -                       |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                       | -                       |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                       | -                       |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                       | -                       |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>106.880.764.690</b>  | <b>113.774.559.175</b>  |

Người lập biểu



Nguyễn Đức Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |       |             |                        |                        |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 18.868.236.135         | 27.186.799.601         |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                      | -                      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 18.868.236.135         | 27.186.799.601         |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 16.964.444.495         | 23.963.703.520         |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 1.903.791.640          | 3.223.096.081          |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 455.199                | 947.504                |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 6.442.305.766          | 4.848.051.659          |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 6.298.672.880          | 4.677.328.981          |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -                      | -                      |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 1.543.971.020          | 1.202.780.840          |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | (6.082.029.947)        | (2.826.788.914)        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        | 100.000.000            | 236.418.590            |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.7        | 162.088.824            | -                      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (62.088.824)           | 236.418.590            |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | (6.144.118.771)        | (2.590.370.324)        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    |             | -                      | -                      |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                      | -                      |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>(6.144.118.771)</u> | <u>(2.590.370.324)</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | <u>(3.906)</u>         | <u>(1.647)</u>         |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.9        | <u>(3.906)</u>         | <u>(1.647)</u>         |

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Đức Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước            |
|---|-----------|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                      |                      |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 16.357.500.768       | 19.672.013.723       |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (8.253.568.534)      | (10.704.380.784)     |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (4.880.908.990)      | (4.304.817.991)      |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | -                    | (412.666.361)        |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        |             | -                    | -                    |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 104.509.147          | -                    |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | -                    | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>3.327.532.391</b> | <b>4.250.148.587</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                      |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (15.000.000)         | (31.727.273)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                    | 240.909.090          |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                    | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                    | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | -                    | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | -                    | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 455.199              | 947.504              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(14.544.801)</b>  | <b>210.129.321</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

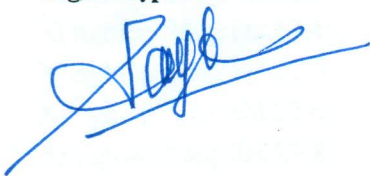
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                |                        |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |           |             | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                      | 1.676.381.151          |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.17a       | (3.306.000.000)        | (6.187.119.639)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                      | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                      | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(3.306.000.000)</b> | <b>(4.510.738.488)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>6.987.590</b>       | <b>(50.460.580)</b>    |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>7.481.606</b>       | <b>57.942.186</b>      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                      | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>14.469.196</b>      | <b>7.481.606</b>       |

Người lập biểu



Nguyễn Đức Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây dựng, Sản xuất.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất vật liệu xây dựng.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm Công ty đã chấm dứt hoạt động Xây dựng nhà và công trình giao thông, đô thị, chỉ còn hoạt động sản xuất gạch. Do đó, số lượng nhân viên cũng giảm mạnh so với năm 2015. (Xem thuyết minh I.8)

#### **6. Cấu trúc Công ty**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị                        | Địa chỉ   |
|-----------------------------------|---|
| Xí nghiệp Sông Đà 27.1            | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Xí nghiệp Sông Đà 27.4            | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Xí nghiệp Sông Đà 27.5            | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Xí nghiệp Sông Đà 27.6            | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Xí nghiệp Sông Đà 27.8            | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Xí nghiệp Sông Đà 27.9            | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Xí nghiệp Sông Đà 27.10           | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Đội Xây dựng số 2                 | Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh |
| Trung tâm Tư vấn Xây dựng Sông Đà | Đường Hồ Phi Tích - TP Vinh - Nghệ An                   |
| Nhà máy gạch Vượng Lộc Sông Đà    | Xóm 1 xã Vượng Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh                  |

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 148 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 12 – 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 3 – 12        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6             |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 5             |

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 10. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **13. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty

#### **17. Công cụ tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối năm       | Số đầu năm       |
|---------------------------------|-------------------|------------------|
| Tiền mặt                        | 1.671.435         | 404.826          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 12.797.761        | 7.076.780        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>14.469.196</b> | <b>7.481.606</b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

|  | Số cuối năm          |          |                | Số đầu năm           |          |                |
|--|----------------------|----------|----------------|----------------------|----------|----------------|
|  | Giá gốc              | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc              | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng <sup>(i)</sup>  | 1.000.000.000        |          |                | 1.000.000.000        |          |                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung <sup>(ii)</sup> | 2.000.000.000        |          |                | 2.000.000.000        |          |                |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.000.000.000</b> |          |                | <b>3.000.000.000</b> |          |                |

(i) Là khoản vốn góp ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà, số cổ phần vẫn đứng tên Tổng Công ty Sông Đà chưa chuyển sang tên của Công ty.

(ii) Là khoản vốn góp bằng vốn nhận ủy thác của các cá nhân. Khoản vốn góp này hiện Công ty đang đứng tên.

*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | <b>2.353.283.541</b>  | <b>2.353.283.541</b>  |
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà   | 2.353.283.541         | 2.353.283.541         |
| <b>Phải thu các khách hàng</b>  | <b>12.938.167.384</b> | <b>15.001.790.587</b> |
| Ban Quản lý các Dự án giao thông Thái Nguyên <sup>(*)</sup>                             | 1.647.514.911         | 3.047.514.911         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình giao thông 838 (gói 4 đèo cả) <sup>(*)</sup> | 1.816.596.133         | 1.966.596.133         |
| Các khách hàng khác   | 9.474.056.340         | 9.987.679.543         |
| <i>Trong đó:</i> - Đã có đối chiếu công nợ  | 1.717.718.506         | 4.580.490.559         |
| - Không có đối chiếu công nợ <sup>(*)</sup>   | 7.756.337.834         | 5.407.188.984         |
| <b>Cộng</b>   | <b>15.291.450.925</b> | <b>17.355.074.128</b> |
| <sup>(*)</sup> Khách hàng không có đối chiếu công nợ:                                   | 11.220.448.878        | 7.373.785.117         |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>          | <b>471.618.520</b> | <b>526.618.520</b> |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường T&T | 70.000.000         | 70.000.000         |
| Công ty TNHH Phúc Thành                      | 301.618.520        | 301.618.520        |
| Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Việt Nam   |                    | 55.000.000         |
| Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Tuấn Tú  | 100.000.000        | 100.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>471.618.520</b> | <b>526.618.520</b> |

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

|                                   | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <b>380.000.000</b> | <b>380.000.000</b> |
| Nguyễn Văn Thảo                   | 350.000.000        | 350.000.000        |
| Nguyễn Minh Tuấn                  | 30.000.000         | 30.000.000         |
| <i>Phải thu các cá nhân khác</i>  | <b>263.093.813</b> | <b>263.093.813</b> |
| Hồ Anh Dũng                       | 35.995.518         | 35.995.518         |
| Đoàn Ngọc Thanh                   | 106.500.000        | 106.500.000        |
| Trần Tất Đạt                      | 120.598.295        | 120.598.295        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>643.093.813</b> | <b>643.093.813</b> |

#### 6. Phải thu ngắn hạn khác

|   | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                   | <b>911.367.393</b>   |          | <b>932.806.875</b>   |          |
| Dương Văn Đản - tạm ứng lương và chi phí công trình | 200.000.000          |          | 319.839.482          |          |
| Lê Văn Thông - tạm ứng chi phí nhà máy gạch         | 84.951.393           |          | 31.551.393           |          |
| Nguyễn Văn Thảo - tạm ứng chi phí sản xuất          | 392.000.000          |          | 402.000.000          |          |
| Lê Thị Hiền - tạm ứng chi phí đi công tác           | 105.000.000          |          | 50.000.000           |          |
| Nguyễn Minh Tuấn - tạm ứng chi phí nhà máy gạch     | 129.416.000          |          | 129.416.000          |          |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>         | <b>3.295.184.782</b> |          | <b>3.068.614.925</b> |          |
| Tạm ứng   | 1.795.153.703        |          | 1.966.426.903        |          |
| Phải thu tiền chuyên nhượng dự án                   | 462.052.990          |          |                      |          |
| Phải thu các cá nhân tiền Bảo hiểm xã hội nộp hộ    | 797.978.089          |          | 862.188.022          |          |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                    | 240.000.000          |          | 240.000.000          |          |
| <b>Cộng</b>   | <b>4.206.552.175</b> |          | <b>4.001.421.800</b> |          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

|   | Số cuối năm       |                    | Số đầu năm        |                    |
|---|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
|   | Thời gian quá hạn | Giá gốc            | Thời gian quá hạn | Giá gốc            |
| <i>Các tổ chức khác</i>                       |                   | <b>126.800.125</b> |                   | <b>126.800.125</b> |
| Trung tâm y tế Hương Sơn                      | trên 3 năm        | 42.663.000         | trên 3 năm        | 42.663.000         |
| Giám định y khoa Hà Tĩnh                      | trên 3 năm        | 24.000.000         | trên 3 năm        | 24.000.000         |
| Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Linh Cảm | trên 3 năm        | 60.137.125         | trên 3 năm        | 60.137.125         |
| <b>Cộng</b>                                   |                   | <b>126.800.125</b> |                   | <b>126.800.125</b> |

**8. Hàng tồn kho**

|  | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                    | 350.166.677           |          | 697.940.232           |          |
| Công cụ, dụng cụ                         | 387.521.952           |          | 549.000.498           |          |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 32.566.160.233        |          | 32.549.023.719        |          |
| Thành phẩm                               | 1.702.939.595         |          | 216.623.216           |          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>35.006.788.457</b> |          | <b>34.012.587.665</b> |          |

(\*) Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh từ các năm trước đang chờ phê duyệt quyết toán là 32.104.975.390 VND (số đầu năm là 32.104.975.390 VND).

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí dự án Mỏ đất Ngọc Sơn để thực hiện công trình đường tránh thành phố Hà Tĩnh, phát sinh từ năm 2008. Công trình này đang chờ quyết toán với chủ đầu tư.

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                      | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa đường tránh Hà Tĩnh | 5.358.096.267        | 5.358.096.267        |
| Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị    | 89.672.424           | 65.243.849           |
| Chi phí sửa chữa nhà máy gạch        | 174.237.835          | 268.475.666          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>5.622.006.526</b> | <b>5.691.815.782</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị<br>quản lý | Cộng                  |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                           |                        |                                    |                     |                       |
| Số đầu năm                            | 13.098.421.514            | 19.318.284.237         | 1.670.119.610                      | 31.727.273          | 34.118.552.634        |
| Thanh lý, nhượng bán                  |                           | (390.548.285)          |                                    |                     | (390.548.285)         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>13.098.421.514</b>     | <b>18.927.735.952</b>  | <b>1.670.119.610</b>               | <b>31.727.273</b>   | <b>33.728.004.349</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                           |                        |                                    |                     |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng |                           | 364.663.636            | 1.670.119.610                      |                     | 2.034.783.246         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                           |                        |                                    |                     |                       |
| Số đầu năm                            | 4.960.759.437             | 10.084.621.558         | 1.670.119.610                      | 4.230.304           | 16.719.730.909        |
| Khấu hao trong năm                    | 1.064.161.968             | 1.257.944.556          |                                    | 6.345.456           | 2.328.451.980         |
| Thanh lý, nhượng bán                  |                           | (390.548.285)          |                                    |                     | (390.548.285)         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>6.024.921.405</b>      | <b>10.952.017.829</b>  | <b>1.670.119.610</b>               | <b>10.575.760</b>   | <b>18.657.634.604</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                           |                        |                                    |                     |                       |
| Số đầu năm                            | 8.137.662.077             | 9.233.662.679          |                                    | 27.496.969          | 17.398.821.725        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>7.073.500.109</b>      | <b>7.975.718.123</b>   |                                    | <b>21.151.513</b>   | <b>15.070.369.745</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                           |                        |                                    |                     |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng                 |                           |                        |                                    |                     |                       |
| Đang chờ thanh lý                     |                           |                        |                                    |                     |                       |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.049.218.232 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                            | <b>14.301.229.683</b> | <b>14.323.095.065</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Thành Long (*) | 1.672.670.480         | 1.672.670.480         |
| Doanh nghiệp Tư nhân Thủy Tuấn                                   | 2.003.615.509         | 2.158.456.073         |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Viglacera (*)                             | 1.496.865.459         | 1.496.865.459         |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 201 (*)                       | 1.804.066.550         | 1.804.066.550         |
| Các nhà cung cấp khác  | 7.324.011.685         | 7.191.036.503         |
| <i>Trong đó:</i>   |                       |                       |
| - Đã có đối chiếu công nợ  | 1.519.155.935         | 920.931.767           |
| - Chưa có đối chiếu công nợ (*)                                  | 5.804.855.750         | 6.270.104.736         |
| <b>Cộng</b>  | <b>14.301.229.683</b> | <b>14.323.095.065</b> |
| (*) Nhà cung cấp không có đối chiếu công nợ:                     | 10.778.458.239        | 10.243.514.343        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Nợ quá hạn chưa thanh toán

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà              | 1.109.088.371        | 1.109.088.371        |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp HT  | 268.731.865          | 268.731.865          |
| Công ty Tư vấn đầu tư & Kiểm định Xây dựng | 285.942.000          | 285.942.000          |
| Các khách hàng khác                        | 1.023.810.949        | 1.052.729.408        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>2.687.573.185</b> | <b>2.716.491.644</b> |

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm          |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 2.706.345.246        | 833.530.686           | (1.223.000.000)          | 2.316.875.932        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 177.715.580          |                       |                          | 177.715.580          |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 73.807.208           |                       |                          | 73.807.208           |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất            |                      | 41.443.680            | (41.443.680)             |                      |
| Các loại thuế khác                     | 97.129.021           |                       |                          | 97.129.021           |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 4.263.020            | 57.528.320            | (4.297.000)              | 57.494.340           |
| <b>Cộng</b>                            | <b>3.059.260.075</b> | <b>932.502.686</b>    | <b>(1.268.740.680)</b>   | <b>2.723.022.081</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|   | Năm nay         | Năm trước       |
|---|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | (6.144.118.771) | (2.590.370.324) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu TNDN |                 |                 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng   | 162.088.824     |                 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm   |                 |                 |
| Thu nhập chịu thuế  | (5.982.029.947) | (2.590.370.324) |
| Thu nhập tính thuế  | (5.982.029.947) | (2.590.370.324) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp  | 20%             | 22%             |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>  |                 |                 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí công trình Thủy điện Đồng Nai 5                        | 722.414.795          | 722.414.795          |
| Tiền thép chủ đầu tư cấp - Phôi thép Hải Phòng                 | 188.430.225          | 188.430.225          |
| Chi phí thi công Nút giao (Đào giao thông)                     | 450.731.395          | 450.731.395          |
| Chi phí thi công đường Liên huyện miền núi Cẩm Xuyên           |                      | 1.519.916.624        |
| Chi phí thi công công trình Nhánh rẽ Thạch Thượng - Thạch Ngọc | 195.975.000          | 195.975.000          |
| Chi phí công trình Đường ven biển Xuân Hội                     | 423.328.000          | 423.328.000          |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.980.879.415</b> | <b>3.500.796.039</b> |

### 14. Phải trả ngắn hạn khác

#### 14a. Phải trả ngắn hạn khác

|                                    | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn                 | 42.252.362            | 71.988.762            |
| Bảo hiểm xã hội, ý tế, thất nghiệp | 2.995.146.725         | 2.995.239.457         |
| Phải trả về cổ phần hóa            | 1.408.049             | 1.408.049             |
| Lãi vay phải trả ngân hàng         | 33.216.702.850        | 26.486.802.121        |
| Nhận ủy thác đầu tư                | 3.001.362.000         | 3.001.362.000         |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả         | 1.675.697.219         | 1.675.697.219         |
| Các khoản phải trả khác            | 3.702.639.492         | 2.272.155.752         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>44.635.208.697</b> | <b>36.504.653.360</b> |

#### 14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

|                                     | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bảo hiểm xã hội                     | 2.926.242.120         | 2.712.799.040         |
| Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội        | 946.964.953           | 949.276.221           |
| Lãi vay phải trả ngân hàng          | 33.216.702.850        | 26.486.802.121        |
| Lãi phải trả cá nhân                | 185.640.000           | 185.640.000           |
| Công ty Tư nhân Huy hoàng           | 230.277.069           | 230.277.069           |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả          | 1.675.697.219         | 1.675.697.219         |
| Phải trả liên quan đến vốn Nhà nước | 138.952.200           | 138.952.200           |
| Tiền phạt báo cáo                   | 12.939.800            | 12.939.800            |
| Thanh tra Sở tài chính              | 37.007.614            | 37.007.614            |
| Bùi Quang Huy                       | 3.618.000             | 3.618.000             |
| <b>Cộng</b>                         | <b>39.374.041.825</b> | <b>32.433.009.284</b> |

### 15. Vay ngắn hạn

#### 15a. Vay ngắn hạn

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>  |                       | <b>350.000.000</b>    |
| Ông Phan Văn Anh  |                       | 350.000.000           |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>   | <b>41.558.948.917</b> | <b>41.214.948.917</b> |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh <sup>(i)</sup> | 33.644.948.917        | 34.644.948.917        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Các tổ chức và cá nhân khác <sup>(ii)</sup>     | 1.550.000.000                | 1.550.000.000                |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Tầng Sông Đà      | 1.500.000.000                | 1.500.000.000                |
| - Ông Thân Trung Hiếu                           | 50.000.000                   | 50.000.000                   |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b) | 6.364.000.000                | 5.020.000.000                |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>41.558.948.917</u></b> | <b><u>41.564.948.917</u></b> |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của các nhân viên trong Công ty.

(ii) Vay các tổ chức cá nhân khác để bổ sung vốn lưu động. Trong đó khoản vay Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Tầng Sông Đà chưa có xác nhận công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                           | <u>Số đầu năm</u>            | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>           |
|---------------------------|------------------------------|--|--|-------------------------------------|------------------------------|
| Vay bên liên quan         | 350.000.000                  |  |  | (350.000.000)                       |                              |
| Vay ngân hàng             | 34.644.948.917               |  |  | (1.000.000.000)                     | 33.644.948.917               |
| Vay ngắn hạn tổ chức khác | 1.550.000.000                |  |  |                                     | 1.550.000.000                |
| Vay dài hạn đến hạn trả   | 5.020.000.000                |  | 3.300.000.000                          | (1.956.000.000)                     | 6.364.000.000                |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>41.564.948.917</u></b> |  | <b><u>3.300.000.000</u></b>            | <b><u>(3.306.000.000)</u></b>       | <b><u>41.558.948.917</u></b> |

### 15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 24/6/2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2013/PLHĐ ngày 14/5/2013 và số 02/2013/PLHĐ ngày 12/7/2013 để đầu tư dự án Xây dựng nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc, thời hạn vay 148 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 28 tháng, lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,3%/năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 29 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 6.364.000.000                | 5.020.000.000                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 9.140.221.300                | 11.400.000.000               |
| Trên 5 năm           |                              | 1.040.221.300                |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>15.504.221.300</u></b> | <b><u>17.460.221.300</u></b> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>             |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                              | 12.440.221.300              | 15.240.221.300               |
| Phân loại vay ngắn hạn sang vay dài hạn |                             |                              |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn      | (3.300.000.000)             | (2.800.000.000)              |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b><u>9.140.221.300</u></b> | <b><u>12.440.221.300</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

|  | Số cuối năm           |                       |                       | Số đầu năm            |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Gốc                   | Lãi                   | Cộng                  | Gốc                   | Lãi                   | Cộng                  |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh | 32.436.887.766        | 33.216.702.850        | 67.203.590.616        | 29.292.887.766        | 26.486.802.121        | 55.779.689.887        |
| Vay ngắn hạn   | 26.072.887.766        |                       | 26.072.887.766        | 27.072.887.766        |                       | 27.072.887.766        |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 6.364.000.000         |                       | 6.364.000.000         | 2.220.000.000         |                       | 2.220.000.000         |
| Các tổ chức và cá nhân khác                                      | 1.550.000.000         |                       | 1.550.000.000         | 1.550.000.000         |                       | 1.550.000.000         |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà                         | 1.500.000.000         |                       | 1.500.000.000         | 1.500.000.000         |                       | 1.500.000.000         |
| Thân Trung Hiếu  | 50.000.000            |                       | 50.000.000            | 50.000.000            |                       | 50.000.000            |
| <b>Cộng</b>  | <b>33.986.887.766</b> | <b>33.216.702.850</b> | <b>67.203.590.616</b> | <b>30.842.887.766</b> | <b>26.486.802.121</b> | <b>57.329.689.887</b> |

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 93.837.088         | 93.837.088         |
| Quỹ phúc lợi    | 20.312.097         | 20.312.097         |
| <b>Cộng</b>     | <b>114.149.185</b> | <b>114.149.185</b> |

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                           | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                    |
|---------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm trước       | 15.728.330.000            | 652.000.000          | 1.286.228.295         | (36.850.831.773)                  | (19.184.273.478)        |
| Lợi nhuận trong năm trước |                           |                      |                       | (2.590.370.324)                   | (2.590.370.324)         |
| <b>Số dư cuối năm nay</b> | <b>15.728.330.000</b>     | <b>652.000.000</b>   | <b>1.286.228.295</b>  | <b>(39.441.202.097)</b>           | <b>(21.774.643.802)</b> |
| Số dư đầu năm nay         | 15.728.330.000            | 652.000.000          | 1.286.228.295         | (39.441.202.097)                  | (21.774.643.802)        |
| Lợi nhuận trong năm nay   |                           |                      |                       | (6.144.118.771)                   | (6.144.118.771)         |
| <b>Số dư cuối năm nay</b> | <b>15.728.330.000</b>     | <b>652.000.000</b>   | <b>1.286.228.295</b>  | <b>(45.585.320.868)</b>           | <b>(27.918.762.573)</b> |

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | 5.856.360.000         | 5.856.360.000         |
| Cổ đông khác                                | 9.871.970.000         | 9.871.970.000         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>15.728.330.000</b> | <b>15.728.330.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17c. Cổ phiếu

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.572.833          | 1.572.833         |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 1.572.833          | 1.572.833         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.572.833          | 1.572.833         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                    |                   |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      |                    |                   |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 1.572.833          | 1.572.833         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.572.833          | 1.572.833         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                    |                   |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                             | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm    | 18.676.228.864               | 23.205.683.297               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 192.007.271                  | 152.109.091                  |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng |                              | 3.829.007.213                |
| <b>Cộng</b>                 | <b><u>18.868.236.135</u></b> | <b><u>27.186.799.601</u></b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                 | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 16.803.846.156               | 20.199.551.101               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 160.598.339                  | 106.623.812                  |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng   |                              | 3.657.528.607                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>16.964.444.495</u></b> | <b><u>23.963.703.520</u></b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn

### 4. Chi phí tài chính

|                       | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay       | 6.298.672.880               | 4.677.328.981               |
| Lãi mua hàng trả chậm | 143.632.886                 | 170.722.678                 |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>6.442.305.766</u></b> | <b><u>4.848.051.659</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 793.124.000                 | 707.064.645                 |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 56.442.135                  | 2.409.091                   |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 11.885.944                  | 121.072.478                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.594.228                  | 22.479.076                  |
| Thuế, phí và lệ phí              | 30.761.680                  | 11.998.000                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 21.712.268                  | 30.488.585                  |
| Các chi phí khác                 | 605.450.765                 | 307.268.965                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.543.971.020</u></b> | <b><u>1.202.780.840</u></b> |

#### 6. Thu nhập khác

|   | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chuyển nhượng tài sản trên đất Trục sở đôi 2  |                           | 40.964.045                |
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 100.000.000               | 195.454.545               |
| <b>Cộng</b>                                   | <b><u>100.000.000</u></b> | <b><u>236.418.590</u></b> |

#### 7. Chi phí khác

Là khoản thuế bị phạt, truy thu.

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|  | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | (6.144.118.771)       | (2.590.370.324)       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                       |                       |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  |                       |                       |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản /suy giảm trên cổ phiếu  | (6.144.118.771)       | (2.590.370.324)       |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm  | 1.572.833             | 1.572.833             |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>   | <b><u>(3.906)</u></b> | <b><u>(1.647)</u></b> |

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 8.153.798.135                | 8.637.960.921                |
| Chi phí nhân công                | 6.099.107.538                | 5.081.978.329                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.328.451.980                | 2.395.598.972                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.410.568.463                | 5.729.341.870                |
| Chi phí khác                     | 2.019.942.292                | 1.508.121.012                |
| Trích trước chi phí công trình   |                              | 687.344.513                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>20.011.868.408</u></b> | <b><u>24.040.345.617</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tạm ứng chi phí công tác                       | 402.300.000    | 50.000.000       |
| Tạm ứng chi phí công trình Đường tránh Hà Tĩnh |                | 200.000.000      |
| Hoàn ứng                                       | 478.739.482    |                  |

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 336.000.000 VND (năm trước là 683.800.000 VND).

##### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà, là cổ đông chính.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Khoản công nợ phải thu với Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi với bên liên quan này.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ có một hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và trong một khu vực địa lý là Việt Nam, do đó Công ty không trình báo cáo bộ phận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | Chưa quá hạn<br>hoặc chưa bị<br>giảm giá | Chưa quá hạn<br>nhưng bị giảm<br>giá | Đã quá hạn<br>nhưng không<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>và/hoặc bị<br>giảm giá | Cộng                  |
|------------------------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                 |  |                                      |                                       |                                      |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.469.196                               |                                      |                                       |                                      | 14.469.196            |
| Phải thu khách hàng                |  |                                      | 15.164.650.800                        | 126.800.125                          | 15.291.450.925        |
| Các khoản cho vay                  | 643.093.813                              |                                      |                                       |                                      | 643.093.813           |
| Các khoản phải thu khác            | 28.137.784.986                           |                                      |                                       |                                      | 28.137.784.986        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>28.795.347.995</b>                    |                                      | <b>15.164.650.800</b>                 | <b>126.800.125</b>                   | <b>44.086.798.920</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                  |  |                                      |                                       |                                      |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.481.606                                |                                      |                                       |                                      | 7.481.606             |
| Phải thu khách hàng                |  |                                      | 17.228.274.003                        | 126.800.125                          | 17.355.074.128        |
| Các khoản cho vay                  | 643.093.813                              |                                      |                                       |                                      | 643.093.813           |
| Các khoản phải thu khác            | 31.290.166.279                           |                                      |                                       |                                      | 31.290.166.279        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>31.940.741.698</b>                    |                                      | <b>17.228.274.003</b>                 | <b>126.800.125</b>                   | <b>49.295.815.826</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

|                                     | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Quá hạn dưới 6 tháng                | 540.735.423                  | 5.339.969.059                |
| Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.152.984.000                |                              |
| Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm   | 3.138.298.433                | 2.527.561.498                |
| Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm        | 4.211.356.384                | 3.683.165.168                |
| Quá hạn trên 3 năm                  | 6.248.076.685                | 5.804.378.403                |
| <b>Cộng</b>                         | <b><u>15.291.450.925</u></b> | <b><u>17.355.074.128</u></b> |

### 3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 1 năm trở xuống</u>     | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>  | <u>Trên 5 năm</u>           | <u>Cộng</u>                   |
|-------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                               |                              |                             |                               |
| Phải trả người bán      | 14.301.229.683                |                              |                             | 14.301.229.683                |
| Vay và nợ               | 41.558.948.917                | 9.140.221.300                |                             | 50.699.170.217                |
| Các khoản phải trả khác | 55.929.321.080                |                              |                             | 55.929.321.080                |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>111.789.499.680</u></b> | <b><u>9.140.221.300</u></b>  |                             | <b><u>120.929.720.980</u></b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                              |                             |                               |
| Phải trả người bán      | 14.323.095.065                |                              |                             | 14.323.095.065                |
| Vay và nợ               | 41.564.948.917                | 11.400.000.000               | 1.040.221.300               | 54.005.170.217                |
| Các khoản phải trả khác | 55.194.792.073                |                              |                             | 55.194.792.073                |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>111.082.836.055</u></b> | <b><u>11.400.000.000</u></b> | <b><u>1.040.221.300</u></b> | <b><u>123.523.057.355</u></b> |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 50.699.170.217 VND (số đầu năm là 54.005.170.217 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 811.186.723 VND (năm trước giảm/tăng 1.080.103.404 VND).

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

### 3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## 4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | Số cuối năm           |                      | Số đầu năm            |                      |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                    | Giá gốc               | Dự phòng             | Giá gốc               | Dự phòng             |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.469.196            |                      | 7.481.606             |                      |
| Phải thu khách hàng                | 15.291.450.925        | (126.800.125)        | 17.355.074.128        | (126.800.125)        |
| Các khoản cho vay                  | 643.093.813           |                      | 643.093.813           |                      |
| Các khoản phải thu khác            | 28.137.784.986        |                      | 31.290.166.279        |                      |
| <b>Cộng</b>                        | <b>44.086.798.920</b> | <b>(126.800.125)</b> | <b>49.295.815.826</b> | <b>(126.800.125)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú – thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

|                         | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả người bán      | 14.301.229.683                | 14.323.095.065                |
| Vay và nợ               | 50.699.170.217                | 54.005.170.217                |
| Các khoản phải trả khác | 55.929.321.080                | 55.194.792.073                |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>120.929.720.980</u></b> | <b><u>123.523.057.355</u></b> |

### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

### 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty tiếp tục bị lỗ 6.144.118.771 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.585.320.868 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 42.570.900.271 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu Công ty hoàn trả khoản vay quá hạn cho đến khi Công ty đủ khả năng trả nợ. Công ty cũng đang trao đổi với ngân hàng để tái cơ cấu khoản vay gốc và giảm các khoản lãi vay phải trả. Do vậy Báo cáo tài chính vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Đức Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thảo

**CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 27**

Số: 06 CV/CT

V/v: "Giải trình về ý kiến trái ngược BCTC  
năm 2016 đã kiểm toán"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Sông Đà 27

2. Mã chứng khoán : S27.

3. Địa chỉ: Số 155 đường Trần Phú - P. Nam Hồng - TX Hồng Lĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

4. Điện thoại: 0393 577 668 - Fax: 0393 572 234.

5. Người công bố thông tin: Nguyễn Thị Kim .

6. Nội dung: Giải trình về Ý kiến trái ngược BCTC năm 2016 đã kiểm toán

- Khoản chi phí sửa chữa tuyến chính đường tránh Hà Tĩnh trong giai đoạn bảo hành phát sinh từ năm 2010 đang được phản ánh ở chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn", số tiền 5.358.096.267 VND . Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc, Công ty chưa phản ánh vào kết quả kinh doanh do đây là phần công việc thuộc các nhà thầu phụ thực hiện. Công ty đang làm việc với các nhà thầu phụ để thu hồi lại khoản chi phí này. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được bằng chứng về khả năng thu hồi chi phí.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình phát sinh từ các năm trước đang chờ phê duyệt quyết toán đang được phản ánh ở chỉ tiêu "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang", số tiền 32.104.975.390 VND . Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý và khả năng thu hồi các chi phí này.

- Các khoản nợ phải thu khách hàng chưa được trích lập dự phòng đầy đủ. Theo ước tính độc lập của Kiểm toán viên, số dự phòng cần trích lập thêm là 10.973.435.218 VND, trong đó, năm 2016: 1.327.060.448 VND, các năm trước 9.646.374.770 VND.

- Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phạt phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền 1.950.000.000 VND, do Công ty chưa chấp nhận số liệu tính toán của Ngân hàng.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến Ý kiến trái ngược BCTC 2016 đã kiểm toán

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu Cty

**Người công bố thông tin**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SÔNG ĐÀ  
27  
TP. HÀ TĨNH  
HA TĨNH

Nguyễn Thị Kim